

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
HỖ TRỢ THU HỘ, CHI HỘ QUA QR VÀ THẺ ĐA NĂNG
PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ DỰ THƯỞNG

SỐ: /2022/ABC-VIMASS

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số cấp cho Công ty ABC

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105906169 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/5/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 31/12/2021; Giấy phép trung gian thanh toán số 41/GP-NHNN của Ngân hàng nhà nước cấp cho Công ty cổ phần dịch vụ nền di động Việt Nam ngày 12/3/2018;

- Căn cứ Thỏa thuận hợp tác kinh doanh dịch vụ Hóa đơn điện tử, Hợp đồng điện tử, Chữ ký số giữa VIMASS và CMC TS ký ngày 13/1/2022; giữa VIMASS và FPT IS ký ngày 25/1/2022.

- Căn cứ nhu cầu hợp tác của Công ty cổ phần đầu tư thương mại và Công ty cổ phần dịch vụ nền di động Việt Nam.

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY ABC

Địa chỉ: ...

Điện thoại:

Tài khoản: tại Ngân hàng

Mã số thuế:

Người đại diện: Chức vụ:

Sau đây gọi tắt là “Bên A” hoặc “ABC”

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NỀN DI ĐỘNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11, số 4 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 0243.9416205, <https://vimass.vn>, vimass@vimass.vn

Tài khoản: 99999490085 tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

Mã số thuế: 0105906169

Người đại diện: ông Trần Việt Trung Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Sau đây gọi tắt là “Bên B” hoặc “VIMASS”

Công ty ABC và Công ty cổ phần dịch vụ nền di động Việt Nam sau đây gọi chung là “Hai bên” thỏa thuận ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Thỏa thuận này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mục tiêu phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đến cuối năm 2025 theo Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ:
 - a. Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 25 lần GDP.
 - b. Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 50%.
 - c. Từ 80% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc trung gian thanh toán.
 - d. Tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ thanh toán của người dân; tăng số lượng điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt lên trên 450.000 điểm.
 - e. Mục tiêu tăng trưởng sử dụng phương tiện, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt:
 - Tốc độ tăng bình quân về số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt 20 - 25%/năm;
 - Tốc độ tăng bình quân về số lượng giao dịch qua kênh điện thoại di động đạt 50 - 80%/năm và giá trị giao dịch đạt 80 - 100%/năm;
 - Tốc độ tăng bình quân số lượng và giá trị giao dịch qua kênh Internet đạt 35 - 40%/năm;
 - Tỷ lệ cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử đạt 40%.
 - f. Mục tiêu thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công:
 - Từ 90 - 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; từ 90 - 100% các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn đô thị triển khai thanh toán học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;
 - 60% các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt;
 - 60% số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn đô thị được chi trả thông qua các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.
2. Ví VIMASS: gồm 3 loại ví điện tử: (a) Ví cá nhân với tài khoản ví là 10 số điện thoại. (b) Ví doanh nghiệp với tài khoản ví bắt đầu bằng chữ D, sau đó là 10 số mã doanh nghiệp. (c) Thẻ đa năng: là ví điện tử dạng thẻ giao tiếp gần (bằng chip NXP Mifare trong phạm vi 5 cm hoặc bằng chip NXP Ucode trong phạm vi 10 m) do VIMASS phát hành với tài khoản ví bắt đầu bằng chữ V, sau là số in trên thẻ.
3. VIMASS QR: do cá nhân, doanh nghiệp tự tạo, sở hữu vĩnh viễn và cá thể hóa theo chuẩn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành, cho phép ứng dụng ngân hàng (Vietcombank, VietinBank iPay, BIDV SmartBanking, Agribank, VPBank NEO, Techcombank, Lien Việt 24H, Sacombank Pay, TPBank Mobile, NAB Open Banking, MB Bank, ACB ONE, MSB mBank, AB Ditizen, HDBank, SHB Mobile, MyVIB, SeAMobile, NCB izMobile, SCB Mobile, Vietbank Digital, digimi, OCB OMNI, KienlongBank, v.v) và ví điện tử (Ví VIMASS, Ví VNPAY, VinID, Viettel Money, VNPT PAY, Mobifont Pay, v.v) có thể quét để thanh toán. Quét VIMASS QR bằng ứng dụng tài chính có thể tra cứu được tên chủ sở hữu tương tự như tài khoản ngân hàng. Thực hiện tạo, sửa, lưu, chia sẻ VIMASS QR bằng ứng dụng QR Vietnam, Ví Vimass hoặc trên website vimass.vn, qrvn.vn hoặc sử dụng API do

VIMASS cấp.

4. Thẻ đa năng 2 chip: là thẻ gồm chip Mifare DESfire EV3 và chip UCODE, cả 2 chip đều do NXP Semiconductors sản xuất, dùng năng lượng của đầu đọc/điện thoại trong phạm vi 5 cm với chip EV3 qua tần số NFC 13,56 MHz và trong phạm vi 10 m với chip UCODE qua tần số UHF từ 860 MHz đến 960 MHz được mô tả trong Phụ lục 2, giá công bố trên vimass.vn.
5. Thẻ đa năng 3 chip: gồm chip EV3, chip UCODE do NXP Semiconductors sản xuất và chip ký số ACOS5 của Advaced Card System, giá công bố trên vimass.vn.
6. Thẻ đa năng đồng thương hiệu:
 - Mặt trước in logo, hoa văn của đơn vị, số thẻ, hình QR (cho phép ứng dụng ngân hàng hoặc ví điện tử quét QR nạp tiền vào thẻ trong 5 giây).
 - Mặt sau in logo, hoa văn của đơn vị, tên, ảnh của chủ thẻ.
7. Chip ký số: là chip ACOS5-64KB đạt chuẩn ký số bảo mật của Mỹ FIPS 140-2 cấp độ 3; tạo và lưu cặp khóa bất đối xứng RSA 2048/3072 bit; lưu đến 6 chứng thư và cặp khóa; tạo chữ ký số RSA 2048/3072 bit; xác thực chữ ký số RSA 2048/3072/4096 bit.
8. Đầu đọc VReader: là thiết bị tương tác với thẻ đa năng trong phạm vi 5 cm, xác thực vân tay của chủ thẻ, có bộ nhớ lưu đến 3.000 vân tay, do VIMASS thiết kế chế tạo, chống bụi chống nước đạt chuẩn IP67 được mô tả trong Phụ lục 2, giá công bố trên vimass.vn.
9. Điện thoại VPhone: là điện thoại thông minh có chức năng NFC, chạm thẻ, quét/tạo QR, chữ ký số, hóa đơn điện tử, xác thực khuôn mặt, tiếng nói của chủ thẻ, do VIMASS thiết kế, thuê sản xuất ở nước ngoài, cài sẵn các ứng dụng của VIMASS, giá công bố trên vimass.vn.
10. Máy tính bảng VTablet: là máy tính bảng có chức năng NFC, chạm thẻ, quét/tạo QR, chữ ký số, hóa đơn điện tử, xác thực khuôn mặt, tiếng nói của chủ thẻ, do VIMASS thiết kế, thuê sản xuất ở nước ngoài, cài sẵn các ứng dụng của VIMASS, giá công bố trên vimass.vn.
11. Đầu nối: kết nối chip bị ký số với máy tính, điện thoại, bao gồm đầu nối có dây, đầu nối không dây, đầu nối type-A/type-C, đầu nối bluetooth có mã hóa được mô tả trong Phụ lục 2.
12. Thiết bị thu phát UHF: là thiết bị thu phát tần số 860 MHz – 960 MHz có thể phát hiện thẻ UCODE trong cự ly 10m cùng lúc đến 200 thẻ, kể cả khi thẻ đặt trên phương tiện di chuyển đến 220 km/h, được mô tả trong Phụ lục 2.
13. Chữ ký số: được hiểu và áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
14. Hóa đơn điện tử: được hiểu và áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
15. “Đơn vị thành viên” là các đơn vị trực thuộc hoặc BÊN A.
16. “Công ty liên kết” là các công ty mà Bên A hoặc BÊN A có vốn góp hoặc cổ phần và được cho phép sử dụng thẻ đồng thương hiệu BÊN A - VIMASS.

Điều 2. Nội dung hợp tác

1. Bên B cung cấp cho bên A dịch vụ hỗ trợ thu hộ, hỗ trợ chi hộ qua QR và thẻ đa năng thay thế tiền mặt tại các đơn vị thành viên hoặc công ty liên kết và phát hành hóa đơn điện tử có mã dự thưởng cho bên thanh toán.
 - a. Bên B cung cấp theo giá công bố trên vimass.vn cho đơn vị thành viên, công ty liên kết và khách hàng của BÊN A các thiết bị với số lượng mỗi năm tối thiểu như sau:
 - ... điện thoại VPhone;
 - ... máy tính bảng VTablet;
 - ... đầu đọc VReader;
 - ... thẻ đa năng 2 chip;
 - ... thẻ đa năng 3 chip kèm đầu nối cho người có nhu cầu sử dụng chữ ký số.

- Mức chiết khấu phân phối được quy định trong Phụ lục 1.
- b. Khách hàng hoặc nhân viên dùng ứng dụng QR Vietnam, Ví Vimass tra cứu cửa hàng, sản phẩm, đặt hàng, sinh QR thanh toán.
- c. Khách hàng hoặc nhân viên dùng ứng dụng ngân hàng/ví điện tử quét QR; hoặc chạm thẻ đa năng vào thiết bị NFC; hoặc đứng gần thiết bị UHF để nhận thông báo thanh toán; tự xác thực thanh toán; nhận hóa đơn điện tử có mã dự thưởng.
- d. Khách hàng có nhu cầu thẻ đa năng, nhân viên của bên A cấp phát thẻ đồng thương hiệu, hướng dẫn nạp tiền và thanh toán bằng thẻ.
- e. Hai bên thỏa thuận về phí thu-chi hệ qua QR, thẻ đa năng, phí hóa đơn điện tử có mã dự thưởng theo quy định trong Phụ lục 1.
- f. Cá nhân, đơn vị thanh toán qua QR hoặc chạm thẻ đa năng nhận hóa đơn điện tử về email của mình từ Tổng Cục Thuế trong vòng 2 phút kể từ khi cán bộ kế toán của bên A phát hành hóa đơn. Hóa đơn điện tử được lưu và tra cứu trên hệ thống của Tổng cục Thuế, được các đơn vị tài trợ cấp mã dự thưởng.
- 2. VIMASS cung cấp API thu hộ, chi hộ, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số để tích hợp vào ứng dụng (app/web) của bên A để phổ cập thanh toán không tiền mặt có hóa đơn và kinh doanh trực tuyến mà không cần đầu tư công nghệ thông tin và phần mềm:
 - a. VIMASS cấp API thu hộ, chi hộ, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số cho BÊN A để kinh doanh hiệu quả hơn.
 - b. Hai bên thỏa thuận về việc cấp API thu hộ, chi hộ, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số cho các đơn vị thành viên hoặc công ty liên kết của và của BÊN A trong Phụ lục 1.
 - c. Hai bên thỏa thuận chia sẻ phí dịch vụ theo quy định trong Phụ lục 1.
- 3. Khi khách hàng sử dụng thẻ đa năng đồng thương hiệu để thanh toán, bên A được hưởng một phần phí dịch vụ thu được theo quy định trong Phụ lục 1.
- 4. Bên A, bên B thỏa thuận lập quỹ thưởng, tổ chức chọn số thưởng, trao thưởng cho các khách hàng có mã dự thưởng theo quy định trong Phụ lục 1.

Điều 3. Kế hoạch hợp tác

1. Khi có nhu cầu về thẻ và trang thiết bị, bên B cấp bổ sung cho bên A theo Phụ lục 1.
2. ban hành chính sách thanh toán không tiền mặt bằng quét QR hoặc chạm thẻ đa năng và đồng ý trả phí thu hộ cho VIMASS theo quy định trong Phụ lục 1.
3. VIMASS cung cấp API thu hộ, chi hộ, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số:
 - Cho bên A: mỗi API tối đa 10 ngày làm việc.
 - Cho đơn vị thành viên, công ty liên kết được chấp thuận: mỗi API tối đa 20 ngày làm việc.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của bên A

1. Thiết kế thẻ đa năng đồng thương hiệu.
2. Cấp danh sách CBNV có nhu cầu trải nghiệm sản phẩm dịch vụ của VIMASS.
3. Phối hợp tập huấn, triển khai hình thức thanh toán không tiền mặt và phát hành hóa đơn.
4. Quảng bá phương thức thanh toán không tiền mặt nhận hóa đơn dự thưởng.
5. Được quyền yêu cầu Bên B cập nhật, cải tiến phần mềm để tối ưu mô hình vận hành và khắc phục các sự cố xảy ra.
6. Được quyền yêu cầu Bên B hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan trong quá trình sử dụng và vận hành các phần mềm, dịch vụ do Bên B phát triển và cung cấp.
7. Được hưởng các loại phí và mức thu phí đối với các sản phẩm, dịch vụ do Bên B cung cấp

thấp hơn các đối tác cùng loại trên thị trường. Trường hợp mức phí của Bên B không được bên A chấp nhận, Bên A có quyền không sử dụng dịch vụ hoặc chấm dứt hợp đồng.

8. Được quyền từ chối thực hiện các yêu cầu của Bên B khi các yêu cầu này không phù hợp với Hợp đồng này và quy định của Pháp luật.
9. Yêu cầu Bên B kịp thời chỉnh sửa ứng dụng khi phát hiện xảy ra lỗi trên ứng dụng hoặc yêu cầu thay đổi công cụ, dụng cụ để thực hiện các giao dịch thu hộ, chi hộ khi có lỗi mà Bên B không thể khắc phục ngay được.
10. Các quyền lợi và trách nhiệm chưa được quy định trong Hợp đồng sẽ được áp dụng theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Quyền và Trách nhiệm của bên B

1. Tự lo kinh phí mua thẻ đa năng và in 2 mặt thẻ đồng thương hiệu. Cấp phát thẻ đa năng và thiết bị đến địa chỉ do bên A yêu cầu đúng tiến độ.
2. Đảm bảo cấp cho bên A và mỗi chi nhánh, đơn vị thành viên, công ty liên kết tối thiểu 2 ví doanh nghiệp, một ví chuyên chi và một ví chuyên thu, mỗi ví doanh nghiệp cho phép đến 20 nhân viên kế toán xem sao kê và lập lệnh chi, cho phép đến 5 người duyệt lệnh chi.
3. Đảm bảo vào 4 phiên 8h, 11h, 14h, 17h của mỗi ngày làm việc Vimass sẽ chuyển toàn bộ tiền từ ví doanh nghiệp về tài khoản ngân hàng được bên A quy định.
4. Bảo hành các thiết bị đã cấp phát trong 2 năm theo hình thức 1 đổi 1.
5. Liên tục phát triển, nâng cấp các ứng dụng có trên VPhone/VTablet/VReader để hỗ trợ cán bộ thu ngân và người thanh toán.
6. Hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không tiền mặt, hóa đơn điện tử có mã dự thưởng, thiết bị, dịch vụ của hai bên trên app/web của hai bên.
7. Cung cấp cho bên A các API thu hộ, chi hộ, chuyển tiền, sinh/quét/tra cứu QR và hóa đơn có mã thưởng.
8. Cam kết hỗ trợ Bên A kết nối các thông tin giao dịch vào các hệ thống phần mềm của Bên A để phục vụ cho mục đích thanh toán.
9. Đảm bảo khi triển khai áp dụng dịch vụ thanh toán không tiền mặt, hóa đơn điện tử có mã dự thưởng không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A; khi bị ảnh hưởng, bên A có quyền hủy hợp đồng này hoặc chọn sử dụng bất kể đơn vị khác cấp dịch vụ thay thế.
10. Đảm bảo các trang thiết bị, công cụ, dụng cụ cung cấp cho Bên A là mới 100% và có xuất xứ rõ ràng và minh bạch.
11. Chịu trách nhiệm xây dựng và vận hành một số điện thoại hotline và Group support để hỗ trợ nhanh các vướng mắc trong quá trình thực hiện giao dịch. Thời gian hoạt động liên tục 24/7.
12. Chịu trách nhiệm xây dựng chương trình, tài liệu để đào tạo, hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan trong quá trình sử dụng và vận hành các phần mềm, dịch vụ do Bên B phát triển và cung cấp.
13. Mọi sự cố xảy ra Bên B cam kết khắc phục ngay lập tức và trong trường hợp do lỗi hệ thống Bên B cam kết khắc phục trong thời hạn 12h đồng hồ.
14. Chịu trách nhiệm pháp lý, xin phép Ngân hàng Nhà nước, Bộ, ngành liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của bên B cung cấp cho Bên A; thương thảo, ký kết các Hợp đồng với các đối tác sử dụng.
15. Các quyền lợi và trách nhiệm chưa được quy định trong Thỏa thuận hợp tác này sẽ được áp dụng theo quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan.

Điều 6. Quyền lợi của các bên

Hai bên chia sẻ phí dịch vụ quy định trong Phụ lục 1.

Sau khi ký hợp đồng nếu bên A tìm được đơn vị khác cấp dịch vụ với phí thấp hơn mà bên B không thể giảm hơn được, bên A được quyền chấm dứt dịch vụ đó hoặc Hợp đồng.

Đối với dịch vụ hóa đơn điện tử, nếu đơn vị khác có mức phí thấp hơn, bên A được quyền cho phép đơn vị đó cấp dịch vụ thay bên B, trong trường hợp này chỉ phải trả lại các thẻ đa năng và thiết bị mượn của bên B; số bị thất thoát phải trả lại bằng tiền theo giá công bố trên vimass.vn.

Điều 7. Thời hạn hợp đồng

1. Hợp đồng có thời hạn tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày đại diện hợp pháp của hai bên ký.
2. Hợp đồng được tự động gia hạn mỗi lần ... tháng nếu không bên nào yêu cầu chấm dứt khi hết hạn. Nếu có một trong Các Bên hoặc cả Hai Bên đề xuất điều chỉnh lại các điều khoản hợp đồng thì Hai Bên cùng ngồi lại để trao đổi và thực hiện điều chỉnh nội dung Hợp đồng bằng (các) phụ lục bổ sung hoặc thay thế bằng hợp đồng mới.

Điều 8. Bảo mật thông tin

1. Hai Bên (bao gồm cả cán bộ, nhân viên, đại lý, đơn vị thành viên, công ty liên kết của Các Bên) cam kết đảm bảo giữ bí mật các thông tin liên quan đến các điều khoản trong Hợp đồng này bao gồm cả các Phụ lục kèm theo cũng như những thông tin của Hai Bên trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
2. Các Bên được quyền công bố với các đối tác và các nhà cung cấp dịch vụ khác về sự tồn tại của Hợp đồng nhưng không được tự ý cung cấp các nội dung của Phụ lục 1 nếu không có sự đồng ý của Bên còn lại.
3. Các Bên không được làm lộ bí mật về các thông số và các thông tin mà Các Bên trao đổi cho nhau trong suốt quá trình hợp tác.
4. Các Bên cam kết không lưu trữ và khai thác các thông tin của khách hàng sử dụng dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: mật khẩu, OTP, số CMND, điện thoại, địa chỉ, số tài khoản và các thông tin khác liên quan đến khách hàng ngoài phạm vi thực hiện Hợp đồng này hoặc ngoài phạm vi cung cấp dịch vụ của hai bên.
5. Trường hợp Bên nào làm tiết lộ hoặc thất thoát thông tin gây thiệt hại, trực tiếp hay gián tiếp cho Bên bị vi phạm thì Bên vi phạm phải có nghĩa vụ bồi thường cho Bên bị vi phạm đối với những thiệt hại đã, đang hoặc sẽ xảy ra, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định của pháp luật tương ứng áp dụng đối với hành vi vi phạm cụ thể đó. Bên vi phạm phải bồi thường lập tức, kịp thời kể từ khi có số liệu chính xác về con số thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải gánh chịu theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sự kiện bất khả kháng

1. “Sự kiện bất khả kháng” là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện: bạo loạn, chiến tranh, bạo động, đình công, tranh chấp lao động, các ngưng trệ tiện ích, dịch vụ công cộng, dịch bệnh, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc thiên tai, sự gián đoạn dịch vụ từ các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài như dịch vụ Cloud, Maps, chợ ứng dụng ... và sự thay đổi chính sách của nhà nước hoặc các sự kiện khác thuộc sự kiện quốc gia được Nhà nước công bố vượt quá tầm kiểm soát của các Bên.
2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 05 (Năm) Ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và trong vòng 15 Ngày làm việc phải gửi văn bản cho Bên còn lại mô tả chi tiết về nguyên nhân của sự kiện, ảnh hưởng của sự kiện đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng, Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tích cực, chủ động tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
3. Một Bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng và đã thực hiện các nghĩa vụ theo Khoản 2 Điều này sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, nếu Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng không nỗ lực đến mức tối đa để thực hiện Hợp đồng và khắc phục hoặc hạn chế thiệt hại xảy ra thì vẫn bị coi là vi phạm Hợp đồng.
4. Nếu có sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 30 ngày thì Các Bên sẽ xem xét và quyết định một cách hợp lý về các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 60 ngày thì bất kỳ Bên nào cũng có quyền chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo cho Bên còn lại ít nhất 15 (mười lăm) ngày theo lịch trước ngày đề nghị chấm dứt và phải tuân thủ các quy định của Hợp đồng này.
5. Bất cứ nghĩa vụ nào của mỗi Bên phát sinh trước khi sự kiện Bất khả kháng xảy ra đều không được miễn trừ do sự xuất hiện của sự kiện Bất khả kháng.

Điều 10. Tạm dừng, chấm dứt hợp đồng

1. **Các trường hợp tạm dừng thực hiện Hợp đồng gồm:**
 - a. Các trường hợp bất khả kháng xảy ra dẫn đến việc tiếp tục thực hiện nội dung Hợp đồng là không thể được.
 - b. Hai Bên có sự thỏa thuận bằng văn bản.

- c. Một trong các Bên đã làm trở ngại, ảnh hưởng đến Bên còn lại ở mức không thể thực hiện được trách nhiệm của mình.
- d. Một bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do Bên còn lại đã vi phạm Hợp đồng, nhưng phải báo cho Bên còn lại biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tự ý tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên còn lại.
- e. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng do Hai Bên thỏa thuận để khắc phục.

2. Chấm dứt Hợp đồng: Hợp đồng được chấm dứt theo một trong các trường hợp sau:

- a. Các Bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng;
 - b. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng;
 - c. Xảy ra trường hợp bất khả kháng theo quy định của Hợp đồng này;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp đồng và của Pháp luật có liên quan.
- 3.** Việc chấm dứt Hợp đồng vì bất kỳ lý do nào hoặc việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của mỗi Bên không có nghĩa là chấm dứt các nghĩa vụ mà mỗi Bên chưa hoàn thành theo quy định của Hợp đồng. Mỗi Bên phải có trách nhiệm:
- a. Thực hiện thanh toán tất cả các khoản nợ với Bên còn lại (nếu có) theo quy định tại các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng; và
 - b. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại phát sinh liên quan đến các giao dịch được thực hiện theo Hợp đồng.

Điều 11. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

1. Trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp đồng:

- a. Một bên có hành vi vi phạm Hợp đồng, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho Bên còn lại mà trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo bằng văn bản của Bên bị vi phạm về việc khắc phục vi phạm mà không sửa chữa, khắc phục vi phạm thì Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt hợp đồng.
- a. Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp đồng này hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng

- a. Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước ít nhất 15 ngày tính từ ngày đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

- b. Nếu đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không thông báo cho Bên còn lại thì được coi là vi phạm Hợp đồng và phải chịu phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này.

3. Hậu quả pháp lý của việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng

- a. Hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực kể từ thời điểm một trong các bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo đúng quy định tại Điều này.
- b. Bên có lỗi dẫn đến việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải chịu phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, thực hiện nghĩa vụ đối ứng, hoàn trả giá trị Hợp đồng đã nhận đối với phần nghĩa vụ chưa thực hiện và các trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng này trừ trường hợp bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo quy định tại Khoản 3 Điều này.
- c. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng không đúng theo quy định tại điều này được coi là vi phạm Hợp đồng, Bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải chịu phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thực hiện nghĩa vụ đối ứng, hoàn trả giá trị Hợp đồng đã nhận đối với phần nghĩa vụ chưa thực hiện.

Điều 12. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

1. Các hành vi thực hiện không đúng, thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này được coi là vi phạm Hợp đồng.
2. Bên vi phạm Hợp đồng phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng tương đương 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm trừ trường hợp Hợp đồng này hoặc các Phụ lục Hợp đồng hoặc pháp luật có quy định khác.
3. Bên vi phạm Hợp đồng, có lỗi gây thiệt hại cho bên còn lại ngoài việc phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại phát sinh trên thực tế cho bên bị thiệt hại. Các bên có thể thỏa thuận để xác định thiệt hại. Trong trường hợp các bên không thể thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định thiệt hại, chi phí cho việc xác định thiệt hại sẽ do bên có lỗi chịu.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

1. Hợp đồng này được điều chỉnh và hiểu theo các quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng này. Trường hợp có vi phạm, tranh chấp Hai Bên cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải dựa trên tinh thần hợp tác, thiện chí của Hai Bên.

3. Trong trường hợp Hai Bên không tự giải quyết được các vấn đề, tranh chấp phát sinh thì một Bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật. Nơi giải quyết tranh chấp là tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngôn ngữ giải quyết tranh chấp là bằng tiếng Việt. Phán quyết của Tòa án là phán quyết có giá trị bắt buộc, các Bên phải tự nguyện tuân thủ. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí và các chi phí khác có liên quan, bao gồm cả chi phí thuê luật sư. Trong thời gian Tòa án thụ lý và chưa đưa ra phán quyết, Các Bên vẫn phải tiếp tục thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng.

Điều 15. Điều khoản miễn trừ:

Bên A được coi là không vi phạm hợp đồng này khi đơn phương chấm dứt hợp đồng này tại mọi thời điểm và không phải bồi thường cho Bên B bất cứ một khoản tiền nào sau khi đã có thông báo bằng văn bản cho Bên B biết về việc Bên B thu phí cao hơn đối tác cung cấp dịch vụ cùng loại mà Bên B không điều chỉnh mức thu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Hai bên lập kế hoạch chi tiết để triển khai hiệu quả. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc và hỗ trợ nhau thực hiện những nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Hai bên đồng ý công bố và truyền thông nội dung hợp tác ngoại trừ Phụ lục 1. Phối hợp tiếp thị, thu hút sự quan tâm của xã hội, cá nhân/đơn vị sử dụng dịch vụ của 2 bên.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và phải có xác nhận của các bên mới có giá trị thi hành.
4. Hợp đồng này gắn với lợi ích và trách nhiệm của các bên tham gia ký kết. Từ những điều khoản đã nói ở trên, không bên nào có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này cho một bên khác nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia.
5. Bên A chỉ được chuyển nhượng hợp đồng này cho Bên thứ ba nếu Bên thứ ba là Công ty con, công ty liên kết của Bên A.
6. Sau khi hai Bên hoàn tất các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này, hai Bên sẽ ký biên bản thanh lý Hợp đồng. Kể từ khi ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng này, hai Bên được miễn trừ mọi nghĩa vụ ràng buộc hai Bên quy định tại Hợp đồng này trừ nghĩa vụ bảo mật thông tin.
7. Phụ lục kèm theo để quy định chi tiết một số điều khoản của Hợp đồng và/hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng. Phụ lục là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực như Hợp đồng. Nội dung của Phụ lục không được trái với nội dung của Hợp đồng. Trường hợp Các Bên chấp nhận Phụ lục có điều khoản trái với điều khoản trong Hợp đồng thì Hai Bên thống nhất thực hiện theo thỏa thuận trong Phụ lục Hợp đồng.
8. Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các phụ lục Hợp đồng:
 - Phụ lục 01- **PHÍ DỊCH VỤ**
 - Phụ lục 02- **THIẾT BỊ**
 - Phụ lục 03- **THÔNG TIN NHÂN SỰ**
 - Phụ lục 04- **ĐỐI SOÁT, KHIẾU NẠI**

- 9.** Tất cả các điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp đồng có hiệu lực riêng và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo quy định tại quy định pháp luật, thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp đồng sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.
- 10.** Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản chính, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN VIMASS

PHỤ LỤC 1: PHÍ DỊCH VỤ
(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ hỗ trợ chi hộ và hỗ trợ thu hộ
Số /2022/ABC-VIMASS)

Điều 1: Phí dịch vụ thu hộ tiền vào các ví doanh nghiệp của

Với mỗi giao dịch thành công (không bao gồm giao dịch lỗi), trả cho VIMASS mức phí như sau (đã bao gồm VAT):

Phương thức	Phí dịch vụ
1. Khách hàng quét mã QR để thanh toán.	- 0,1% giá trị giao dịch (tối thiểu 200 đồng/GD) . - 0,05% giá trị giao dịch nếu số giao dịch trong tháng đạt trên 100.000 (tối thiểu 200 đồng/GD). - 0,04% giá trị giao dịch nếu số giao dịch trong tháng đạt trên 1 triệu (tối thiểu 200 đồng/GD)
2. Khách hàng chạm thẻ đa năng để thanh toán.	- 0,1% giá trị giao dịch (tối thiểu 200 đồng/GD) . - 0,05% giá trị giao dịch nếu số giao dịch trong tháng đạt trên 100.000 (tối thiểu 200 đồng/GD). - 0,04% giá trị giao dịch nếu số giao dịch trong tháng đạt trên 1 triệu (tối thiểu 200 đồng/GD)

Điều 2: Phí dịch vụ hỗ trợ chi hộ từ các ví doanh nghiệp của

a) Chuyển đến tài khoản ngân hàng hoặc đến số thẻ ngân hàng:

- Phí = 4.000 đồng với mỗi món không quá 500 triệu đồng;
- Mức phí dịch vụ sẽ thay đổi tương ứng với lượng giao dịch theo bảng sau:

STT	Lượng giao dịch	Mức phí (đã bao gồm VAT)
1	Chi hộ (chuyển tiền nhanh) đến tài khoản ngân hàng hoặc số thẻ (tối đa 500 triệu VND/giao dịch) cho đơn vị dưới 100.000 giao dịch (GD) một tháng	4.000 đồng/giao dịch
2	Chi hộ cho đơn vị từ 100.000 đến 200.000 GD một tháng	3.500 đồng/giao dịch
3	Chi hộ cho đơn vị từ 200.000 đến 500.000 GD một tháng	3.000 đồng/giao dịch
4	Chi hộ cho đơn vị từ 500.000 đến 1 triệu GD một tháng	2.500 đồng/giao dịch
5	Chi hộ cho đơn vị trên 1 triệu GD một tháng	2.000 đồng/giao dịch

- Phí tra cứu tên chủ tài khoản qua API nhưng không thực hiện thanh toán: 500 đồng/lần

b) Chuyển đến ví Vimag (gồm ví cá nhân, ví , thẻ đa năng):

STT	Lượng giao dịch	Mức phí (đã bao gồm VAT)
	Chuyển tiền hoặc chi hộ đến ví Vimass dưới 1 triệu đồng	200 đồng/giao dịch
	Chuyển tiền hoặc chi hộ đến ví Vimass từ 1 triệu đến 20 triệu đồng	1.000 đồng/giao dịch
	Chuyển tiền hoặc chi hộ đến ví Vimass trên 20 triệu đồng	2.000 đồng/giao dịch

Các mức phí trên có thể thay đổi theo thỏa thuận của 2 bên.

Điều 3: Phí dịch vụ dùng thẻ đa năng thanh toán ngoài hệ thống

Khi người dùng thẻ đồng thương hiệu thanh toán ngoài hệ thống của bên A, bên A được hưởng 5% phí thu được từ giao dịch này, trả phí cả tháng cho trong vòng 10 ngày đầu tháng kế tiếp.

Mức phí trên là không thay đổi trong suốt thời hạn Hợp đồng trừ trường hợp VIMASS thay đổi phí đối với tất cả các ĐVCNTT hoặc các bên ký kết Phụ lục điều chỉnh phí.

Phí dịch vụ không được hoàn trả: Đối với các giao dịch hủy, hoàn trả không phải do lỗi của Vimass thì sẽ không được hoàn lại phần phí này.

Điều 4: Mức chiết khấu phân phối thiết bị của Vimass

- Sau khi bán thẻ đa năng (2 chip và 3 chip của Vimass hoặc thẻ đồng thương hiệu) theo giá công bố trên vimass.vn, bên A được hưởng chiết khấu phân phối là 5% doanh thu.
- Sau khi bán thiết bị của bên B (như VPhone, VTable, VReader, VUHF, Đầu nói ...) theo giá công bố trên vimass.vn, bên A được hưởng chiết khấu phân phối là 2% doanh thu.

Điều 5: Phí dịch vụ Hóa đơn điện tử của

Với mỗi hóa đơn phát hành thành công, trả cho VIMASS mức phí như sau (đã bao gồm VAT):

STT	Lượng giao dịch	Phí dịch vụ	Điểm may (LPoint)
1	Dưới 1.000 hóa đơn một tháng	200 đ/hóa đơn	10
2	Từ 1.000 đến 10.000 hóa đơn một tháng	180 đ/hóa đơn	8
3	Từ 10.000 đến 30.000 hóa đơn một tháng	160 đ/hóa đơn	6
4	Từ 30.000 đến 50.000 hóa đơn một tháng	140 đ/hóa đơn	4
5	Từ 50.000 đến dưới 1.000.000 hóa đơn một tháng	120 đ/hóa đơn	2
6	Trên 1.000.000 hóa đơn một tháng	100 đ/hóa đơn	1

Điều 6: Mã dự thưởng, Quỹ Thưởng và tổ chức quay số thưởng

- a) Khách hàng sau khi thanh toán cho bằng QR hoặc chạm thẻ đa năng sẽ được cấp hóa đơn điện tử kèm mã dự thưởng trong thời hạn không quá 48 giờ và được hệ thống công nghệ của Vimass thông báo qua email và app mã dự thưởng.
- b) BÊN A, Vimass và các nhà tài trợ khác lập Quỹ thưởng theo một thỏa thuận riêng được công bố từng thời kỳ trên các phương tiện thông tin đại chúng để khuyến khích khách hàng mua sắm các sản phẩm dịch vụ của và BÊN A.
- c) Định kỳ theo thỏa thuận hoặc BÊN A chủ trì tổ chức quay số và tổ chức trao giải thưởng cho những khách hàng may mắn trúng số.

Điều 7: Điều khoản thi hành

Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày ghi trên trang 1 của Hợp đồng được các Bên ký và đóng dấu, có thời hạn cùng với thời hạn của Hợp đồng. Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 2: THIẾT BỊ
(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ hỗ trợ chi hộ và hỗ trợ thu hộ
Số /2022/ABC-VIMASS)

1. Thẻ đa năng:

- Thẻ đa năng là ví điện tử dạng thẻ tiếp xúc gần đầu tiên tại Việt Nam; chứa thông tin cá nhân, tiền, sao kê giao dịch ..., tự động mã/ giải mã AES bằng 14 khóa 128 bits khi trao đổi dữ liệu giữa thẻ với điện thoại NFC hoặc với đầu đọc.

- Thẻ có kích thước 85,5 mm x 53,98 mm. Thẻ 2-chip gồm chip Mifare DESfire EV3 và chip UCODE, cả 2 chip đều do NXP Semiconductors sản xuất, dùng năng lượng của đầu đọc/điện thoại trong phạm vi 5 cm với chip EV3 qua tần số NFC 13,56 MHz và trong phạm vi 10 m với chip UCODE qua tần số UHF từ 860 MHz đến 960 MHz. Thẻ 3 chip gồm chip EV3, chip UCODE do NXP Semiconductors sản xuất và chip ký số ACOS5 của Advaced Card System, giá công bố trên vimass.vn.

- Chip EV3 có 8 KB bộ nhớ: 2,5 KB lưu dữ liệu cá nhân và giao dịch ví điện tử, 5,5 KB lưu đặc trưng vân tay, khuôn mặt, tiếng nói, mật khẩu của chủ thẻ và người được chủ thẻ cho phép để xác thực sử dụng thẻ.

- Thẻ dùng 3 byte đánh số ứng dụng, nên nhiều đơn vị có thể cấp dịch vụ cho cùng 1 thẻ. Mỗi ứng dụng sử dụng đến 32 file, mỗi file có thể là: Data (dữ liệu), Back-up Data (dữ liệu có lưu dự phòng), Value (giá trị số), Linear Records (bản ghi tuyến tính), Cyclic Records (bản ghi chu kỳ), Transaction MAC (kiểm tra toàn vẹn giao dịch). Dữ liệu của các ứng dụng được lưu trong bộ nhớ EEPROM.

- Mỗi thẻ có nhiều ứng dụng, mỗi ứng dụng có 14 khóa AES 128 bits khác nhau (không cho phép đọc khóa) để bảo mật dữ liệu và quy định thẩm quyền: quyền truy cập ứng dụng, quyền đọc, quyền ghi, quyền thay đổi khóa, quyền tạo ứng dụng v.v. Đơn vị cấp ứng dụng tạo, thay đổi khóa, lưu khóa phân tán trên máy chủ, trên đầu đọc và trên thẻ đa năng.

- Khi trao đổi dữ liệu giữa thẻ và điện thoại NFC hoặc đầu đọc các thành phần này phải xác thực quyền truy cập bằng bộ khóa thẻ của ứng dụng, nếu đúng, dữ liệu được mã hóa AES 128 bits rồi mới xuất/nhập, do vậy điện thoại NFC và đầu đọc không đúng thẩm quyền không thể đọc/ghi dữ liệu thẻ.

- Thẻ lưu dữ liệu trong 25 năm, tương tác đến 1.000.000 lần, đạt chuẩn bảo mật phần cứng và phần mềm ở mức cao nhất EAL+5 (chuyên dùng cho thẻ ngân hàng và hộ chiếu điện tử), tốc độ trao đổi dữ liệu 848 kbit/s; thực hiện lệnh viết/xóa trong 1ms.

- Các giao dịch thanh toán, chuyển tiền, định danh chủ thẻ được thực hiện khi chạm thẻ vào thiết bị NFC hoặc ở gần thiết bị UHF.

- Máy tính, Điện thoại không có NFC nhưng cùng mạng wifi với đầu đọc có thể giao dịch với thẻ thông qua đầu đọc. Một đầu đọc phục vụ đến 254 máy tính/điện thoại cùng mạng wifi.

- Giao dịch được thực hiện online khi điện thoại, đầu đọc kết nối với máy chủ qua internet. Giao dịch được thực hiện offline khi không có internet hoặc mất kết nối với máy chủ. Thẻ đa năng có thể thực hiện liên tiếp và lưu vết 70 giao dịch offline, đầu đọc lưu đến 4.000 giao dịch

offline, còn điện thoại lưu được nhiều triệu giao dịch offline.

- Số thẻ được in trên thẻ và là dãy số cuối cùng nếu quét QR trên thẻ, tài khoản ví của thẻ được quy định là chữ V và số thẻ, ví dụ V123456.

- Nạp tiền vào thẻ bằng 2 cách: (1) dùng app ngân hàng/ví điện tử quét QR in trên thẻ để nạp tiền vào thẻ (2) dùng ứng dụng Ví VIMASS, QR Vietnam chuyển tiền đến số thẻ.

- Rút tiền từ thẻ về tài khoản ngân hàng bằng 2 cách: (1) chọn chức năng trong ứng dụng của VIMASS trên điện thoại NFC và chạm thẻ. (2) chọn chức năng trên đầu đọc và chạm thẻ.

- Chuyển tiền từ thẻ đa năng đến thẻ đa năng khác, đến tài khoản, đến thẻ ATM, đến ví điện tử bằng 2 cách: (1) chọn chức năng trong ứng dụng của VIMASS trên điện thoại NFC và chạm thẻ. (2) chọn chức năng trên đầu đọc và chạm thẻ.

- Dùng thẻ đa năng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ hoặc giao dịch tài chính bằng 2 cách: (1) chọn chức năng trong ứng dụng của VIMASS trên điện thoại NFC và chạm thẻ. (2) chọn chức năng trên đầu đọc và chạm thẻ.

- Đối tượng được cấp thẻ: (a) Người đủ 15 tuổi để mở tài khoản. (b) Người chưa đủ 15 tuổi dùng chung thẻ với người bảo trợ hoặc đại diện theo quy định pháp luật.

2. Chip ký số: là chip PKI ACOS5 (64 KB) lưu đến 6 chứng thư số, đạt chuẩn bảo mật của Mỹ FIPS 140-2 cấp độ 3, tạo cặp khóa RSA 2048/3072, ký và xác thực chữ ký số RSA 2048/3072/4096. Chip được kết nối với máy tính/điện thoại qua đầu nối type-A hoặc type-C để ký số các giao dịch tài chính, chứng khoán, khai thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan, gửi – nhận văn bản điện tử, v.v.

3. Thẻ đa năng 2 chip: là thẻ đa năng tích hợp chip Mifare EV3 (tiếp xúc gần NFC tần số 13,56 MHz) với chip UCODE (UHF tần số 840 – 960 MHz) của NXP Semiconductors.

4. Thẻ đa năng 3 chip: được tích hợp thêm chip ký số ACOS5-64.

5. Điện thoại VPhone: xem chi tiết mô tả và tính năng kỹ thuật tại <https://vimass.vn/thietbi>

6. Máy tính bảng VTablet: xem chi tiết mô tả và tính năng kỹ thuật tại <https://VIMASS.vn/thietbi>

7. Đầu đọc VReader: xem chi tiết mô tả và tính năng kỹ thuật tại <https://vimass.vn/thietbi>

8. Đầu nối:

7.1 Đầu nối không dây cổng USB type-A

7.2 Đầu nối không dây cổng USB type-C

7.3 Đầu nối 1m dây cổng USB type-A

7.4 Đầu nối Bluetooth bảo mật

9. Thiết bị thu phát UHF (trong dải tần số 860 MHz – 960 MHz):

8.1 Thiết bị thu phát UHF cự ly 7m xử lý 1 thẻ UHF

8.2 Thiết bị thu phát UHF cự ly 20m xử lý 1 thẻ UHF

8.3 Thiết bị thu phát UHF cự ly 7m xử lý 20 thẻ UHF

8.4 Thiết bị thu phát UHF cự ly 20m xử lý 200 thẻ UHF

9. Giá bán thiết bị (đã bao gồm VAT): được VIMASS công bố tại <https://vimass.vn/thietbi>

Toàn bộ các loại thẻ và thiết bị trên được VIMASS bảo hành 2 năm miễn phí (nếu không phải do lỗi sử dụng) theo hình thức 1 đổi 1.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 3: THÔNG TIN NHÂN SỰ
 (Kèm theo Hợp đồng dịch vụ hỗ trợ chi hộ và hỗ trợ thu hộ
 Số /2022/ABC-VIMASS)

	VIMASS	
Phụ trách chung	TGD Trần Việt Trung tranviettrung57@gmail.com ĐT: 0913201990	
Phụ trách CNTT	PTGD Nguyễn Trọng Thành thanht.VIMASS@gmail.com ĐT: 0917951277	
Phụ trách Kinh doanh	PTGD Đinh Huy Toàn dinhhuytoan.VIMASS@gmail.com ĐT: 0377249552	
Phụ trách Chữ ký số	TP Nguyễn Mạnh Vũ manhvu.VIMASS@gmail.com ĐT: 0966520960	
Phụ trách thiết bị Lắp đặt, bảo hành	TP Nguyễn Duy Thịnh thinhnd.VIMASS@gmail.com 0983895425	
Phụ trách Ứng dụng Android	TP Bùi Văn Sơn sonbv.vimass@gmail.com ĐT: 0328498462	
Phụ trách Ứng dụng iOS	TP Chu Văn Cường chucuongv3@gmail.com ĐT: 0353465132	
Phụ trách Ứng dụng Web	TP Nguyễn Văn Tú tunv.VIMASS@gmail.com ĐT: 0366626251	
Phụ trách Marketing	TP Trịnh Văn Tính tinhvimass@gmail.com ĐT: 0984009815	
Phụ trách Đối soát	TP Hoàng Thị Thiên Trang hoangtrangpdu96@gmail.com ĐT: 0982426814	
Phụ trách Kế toán	PTGD Nguyễn Thị Ngọc Hà thaihakt87@gmail.com ĐT: 0916050287	

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 4: ĐỐI SOÁT, KHIẾU NẠI

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ hỗ trợ chi hộ và hỗ trợ thu hộ

Số /2022/ABC-VIMASS)

Điều 1: Đối soát giao dịch

- 1.1 Bên B cung cấp cho bên A công cụ đối soát giao dịch tại <https://vimass.vn/vidientu/saoke>. Bên A tự kiểm soát, quản lý các giao dịch phát sinh hiển thị trên điện thoại hoặc máy tính.
- 1.2 Giao dịch sai lệch: là những giao dịch không trùng khớp giữa các bên, ví dụ:
 - Giao dịch được ghi nhận thành công tại bên A nhưng bên B chưa nhận được tiền của khách hàng và ngược lại Giao dịch được ghi nhận thành công tại bên B nhưng bên A/Khách hàng không nhận được tiền.
 - Giao dịch được ghi nhận thành công tại các bên nhưng nội dung các trường trong giao dịch không hoàn toàn trùng khớp (thời gian, số tiền, tình trạng giao dịch).Các bên phối hợp kiểm tra bản ghi giao dịch và các chứng từ liên quan, xác định lỗi và thống nhất về kết quả xác minh cuối cùng để cập nhật hệ thống của bên liên quan.

Điều 2: Giải quyết khiếu nại

2.1 Phân định trách nhiệm

- a. Trách nhiệm của bên A
 - Tiếp nhận và trả lời trực tiếp khách hàng các yêu cầu đối soát, khiếu nại liên quan đến việc cung cấp và chất lượng hàng hóa, dịch vụ của bên A.
 - Đối với các yêu cầu đối soát, khiếu nại liên quan tới thanh toán giao dịch, quản lý tài khoản của khách hàng: trong trường hợp khách hàng liên hệ khiếu nại trực tiếp với bên A, bên A có trách nhiệm tiếp nhận và gửi yêu cầu đối soát cho bên B.
 - Trả lời các yêu cầu đối soát, khiếu nại từ bên B.
 - Phối hợp với bên B xử lý giao dịch được bên B thông báo là gian lận, giả mạo hoặc nghi ngờ gian lận, giả mạo.
- b. Trách nhiệm của bên B
 - Là đầu mối tổ chức thực hiện đối soát khiếu nại giữa các tổ chức liên quan và bên A.
 - Tiếp nhận các yêu cầu đối soát khiếu nại từ bên A, tổ chức liên quan, khách hàng và trả lời các yêu cầu theo quy định.
 - Thông báo cho bên A các giao dịch gian lận, giả mạo hoặc nghi ngờ gian lận, giả mạo để bên A phối hợp xử lý.
 - Hướng dẫn bên A cung cấp chứng từ theo quy định của tổ chức liên quan để xử lý đối soát, khiếu nại của khách hàng/ngân hàng đối với từng trường hợp cụ thể.

2.2 Quy trình tiếp nhận xử lý đối soát, khiếu nại

- a. Bên A tiếp nhận yêu cầu đối soát, khiếu nại từ khách hàng.
- Đối với giao dịch được ghi nhận thành công trên công cụ quản lý giao dịch: bên A kiểm tra tình trạng cung cấp hàng hóa dịch vụ và trả lời khách hàng.
 - Đối với giao dịch không được ghi nhận hoặc được ghi nhận không thành công trên công cụ quản lý giao dịch:

Bước 1: bên A gửi yêu cầu đối soát cho bên B, bên B kiểm tra thông tin giao dịch và tình trạng thanh quyết toán.

Bước 2: bên B phối hợp với ngân hàng kiểm tra tình trạng trừ tiền của khách hàng tại ngân hàng. Nếu khách hàng đã bị trừ tiền, bên B sẽ phối hợp với ngân hàng xử lý hoàn tiền cho khách hàng.

Bước 3: bên B thông báo kết quả cho bên A trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đối soát làm căn cứ trả lời khách hàng.

- b. Bên B nhận đối soát của khách hàng qua ngân hàng hoặc nhận đối soát trực tiếp từ khách hàng

Bước 1: Ngân hàng/Khách hàng gửi yêu cầu đối soát cho bên B

Bước 2: Bên B tiếp nhận và kiểm tra tình trạng giao dịch trên hệ thống bên B:

- Trường hợp giao dịch được ghi nhận là thành công:
 - + Nếu khách hàng khiếu nại chưa nhận được hàng hóa dịch vụ, bên B gửi yêu cầu đối soát tới bên A.
 - + Nếu khách hàng khiếu nại chưa nhận được tiền hoàn của giao dịch, bên B thực hiện kiểm tra trên hệ thống của bên B:
 - Nếu trên hệ thống chưa ghi nhận yêu cầu hoàn cho giao dịch từ bên A, bên B gửi yêu cầu đối soát cho bên A, bên A có trách nhiệm trả lời cho bên B trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận yêu cầu.
 - Nếu trên hệ thống đã tiếp nhận yêu cầu hoàn cho giao dịch từ bên A, bên B kiểm tra tình trạng hoàn và phản hồi kết quả trong 01 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đối soát từ Ngân hàng/ khách hàng.
- Trường hợp giao dịch được ghi nhận là không thành công, bên B trả lời kết quả đối soát là giao dịch Không thành công, TCPH kiểm tra tài khoản của khách hàng:
 - + Trường hợp tài khoản của khách hàng đã bị trừ tiền, TCPH thực hiện hoàn tiền cho khách hàng theo các quy định của TCPH.
 - + Trường hợp tài khoản của khách hàng không bị trừ tiền, TCPH thông báo kết quả tới khách hàng.

Bước 3: Bên A tiếp nhận yêu cầu từ bên B và kiểm tra thông tin được ghi nhận tại bên A.

- Trường hợp bên A chưa cung cấp hàng hóa dịch vụ cho khách hàng, bên A chủ động liên hệ với khách hàng để trao đổi thông tin:

- + Nếu khách hàng yêu cầu cung cấp hàng hóa dịch vụ, bên A tiến hành cung cấp hàng hóa dịch vụ và thông báo cho khách hàng. Đồng thời, bên A gửi trả lời đối soát cho VIMASS trong ngày làm việc để VIMASS trả lời cho TCPH.
- + Nếu khách hàng chấp nhận hoàn tiền:
 - Bên A thực hiện hoàn tiền trực tiếp trên công cụ quản lý giao dịch.
 - Bên A thông báo kết quả hoàn trả cho VIMASS trong vòng 02 ngày làm việc để VIMASS trả lời tổ chức liên quan và khách hàng.

2.3 Quy trình xử lý giao dịch gian lận, giả mạo

- a. Đối với các giao dịch gian lận, giả mạo hoặc nghi ngờ là gian lận, giả mạo, bên A thực hiện hủy giao dịch, hoàn trả cho khách hàng ngay sau khi nhận được thông báo từ VIMASS và phản hồi kết quả cho VIMASS trong vòng 04 giờ làm việc.
- b. Bên A cung cấp đầy đủ chứng từ của bất kỳ/toàn bộ giao dịch theo yêu cầu của VIMASS trong vòng 02 ngày làm việc.

2.4 Quy định về chứng từ, thông tin trả lời đối soát của bên A

- a. Chứng từ phải rõ ràng, đọc được trong điều kiện thông thường, có thể lưu trữ và in.
- b. Đối với những giao dịch đối soát nhận được từ VIMASS, bên A có trách nhiệm cung cấp toàn bộ thông tin, chứng từ (bao gồm nhưng không giới hạn chứng từ giao nhận hàng hóa, dịch vụ, hóa đơn, thông tin khách hàng và các thông tin, mối liên hệ liên quan khác) để chứng minh giao dịch có thực và được thực hiện theo đúng thỏa thuận cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa bên A và khách hàng trong thời hạn quy định tại Hợp đồng. Trường hợp quá thời hạn mà bên A không có phản hồi, VIMASS có quyền giữ lại một khoản tiền tương ứng với giá trị giao dịch bị khiếu nại từ khoản tiền VIMASS phải thanh toán cho bên A cho đến khi khiếu nại được giải quyết xong.
- c. Bên có lỗi trong việc chậm trễ cấp chứng từ hoặc cấp chứng từ giả mạo chịu hoàn toàn trách nhiệm với các chi phí và tổn thất phát sinh do hành vi này gây ra.
- d. Để phục vụ các đối soát khiếu nại đặc thù (nếu có), bên A cam kết bảo quản, lưu giữ và cung cấp cho VIMASS các thông tin dữ liệu liên quan đến các giao dịch của khách hàng trong vòng 18 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.

Điều 3: Giao dịch đòi bồi hoàn

- 3.1 VIMASS có quyền tạm hoãn, từ chối thanh toán hoặc yêu cầu thu hồi một phần hoặc toàn bộ giá trị giao dịch đã thanh toán cho bên A trong các trường hợp sau:
 - Giao dịch là gian lận, giả mạo; hoặc bị chủ (thẻ/tài khoản/vi điện tử/ứng dụng) khiếu nại là gian lận hoặc giả mạo.
 - Giao dịch báo có trùng lặp.

- Giao dịch không được thông báo cho bên A là thành công hoặc các thông tin do bên A cung cấp khi gửi yêu cầu xử lý giao dịch là không chính xác.
- Giao dịch khách hàng khiếu nại và bên A không thể cung cấp đầy đủ và đúng hạn chứng từ để chứng minh giao dịch hoặc cung cấp chứng từ giả mạo.
- Bên A yêu cầu thanh toán cho giao dịch được cung ứng hoặc thực hiện bởi các bên thứ ba không phải là bên A.
- Bên A không tuân thủ việc cung cấp thông tin, dữ liệu cho VIMASS theo quy định của Hợp đồng.
- Giao dịch sai lệch phát sinh do lỗi kỹ thuật của bên A trong trường hợp bên A có kết nối kỹ thuật với VIMASS.
- Việc cung cấp hàng hoá/dịch vụ giữa bên A và khách hàng, việc sử dụng thẻ/tài khoản/ứng dụng và/hoặc việc thực hiện nghĩa vụ theo yêu cầu cung cấp hàng hoá/dịch vụ giữa các bên liên quan vi phạm pháp luật Việt Nam.
- Bên A bằng cách này hay cách khác không tuân thủ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng cũng như các quy định khác bằng văn bản của ngân hàng chấp nhận thanh toán và/hoặc VIMASS (nếu có).
- Giao dịch đã được VIMASS thanh toán cho bên A nhưng sau đó bị TCPH từ chối không thanh toán cho VIMASS;
- Phát sinh tranh chấp giữa bên A và khách hàng về giao dịch;
- Tổ chức liên quan khiếu nại và không thanh toán cho giao dịch đã thực hiện;
- VIMASS ghi có nhầm vào tài khoản của bên A hoặc yêu cầu hủy giao dịch của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền nếu tổ chức này phát hiện có sai sót khi đối soát.

3.2 Khi xảy ra một trong các trường hợp bên A bị từ chối thanh toán, nếu VIMASS chưa thực hiện thanh toán cho bên A, VIMASS có quyền tạm hoãn thanh toán số tiền thanh toán. Thời hạn tạm hoãn thanh toán theo quy định của VIMASS phù hợp với quy định của pháp luật và tối đa là 180 ngày kể từ ngày giao dịch được thực hiện. Hết thời hạn tạm hoãn trên, nếu các bên xác định việc từ chối thanh toán là chính xác, VIMASS sẽ không ghi có số tiền của giao dịch bị từ chối thanh toán vào tài khoản của bên a. Nếu VIMASS đã thực hiện việc thanh toán, VIMASS sẽ gửi văn bản cho bên A để thông báo với bên A thu hồi khoản tiền đã thanh toán giao dịch bị từ chối thanh toán. VIMASS sẽ thực hiện một trong các phương thức sau:

- VIMASS sẽ khấu từ số tiền giao dịch bị từ chối thanh toán vào kỳ thanh toán tiếp theo;
- Yêu cầu bên A hoàn trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho VIMASS số tiền giao dịch bị từ chối thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày VIMASS gửi thông báo. Trong trường hợp bên A không hoàn trả đúng thời hạn, bên A phải chịu mức lãi suất bằng 150% lãi suất

cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định trong từng thời kỳ tương ứng với thời gian chậm trả.

3.3 Quyền đòi bồi hoàn của VIMASS có thể kéo dài và giữ nguyên giá trị hiệu lực ngay cả khi hợp đồng đã chấm dứt.

Điều 4: Điều khoản thi hành

Phụ lục là một phần không tách rời của Hợp đồng này, có hiệu lực kể từ ngày ghi trên trang 1 của Hợp đồng được các bên ký và đóng dấu, có thời hạn cùng với thời hạn của Hợp đồng. Phụ lục được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B